

## GIÁO DỤC HÀNH VI VĂN HOÁ HỌC TẬP CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỘI VỤ HÀ NỘI

Đỗ Khánh Năm - Trường Đại học Nội vụ Hà Nội

*Ngày nhận bài: 06/02/2018; ngày sửa chữa: 06/03/2018; ngày duyệt đăng: 30/03/2018.*

**Abstract:** Today, learning culture plays an important role for students in improving the quality of learning and building a healthy learning environment. In this paper, author presents situation of education of learning culture behaviors of students at Hanoi University of Home Affairs. On that basis, some educational measures are proposed such as raising the awareness of education on learning culture behaviors for students; using the positive discipline in teaching sciences at school; organizing practice of learning culture behaviors for students through teaching and learning; guiding students to participate in experiential learning activities; evaluating and replicating typical learning culture behaviours in students; creating a friendly, positive learning environment in the school, etc.

**Keywords:** Education, learning, behavior, cultural behavior, learning culture.

### 1. Mở đầu

Giáo dục và phát triển hành vi văn hóa học tập (VHHT) trong nhà trường là yếu tố quan trọng trong quá trình xây dựng và gìn giữ văn hóa (VH) nhà trường. Hành vi VHHT là biểu hiện cụ thể sự phát triển của VHHT - thành phần cốt lõi của VH nhà trường, góp phần quan trọng trong việc xây dựng bộ mặt VH của nhà trường. Hành vi VHHT có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển nhân cách con người nói chung và với hoạt động học tập của người học nói riêng. Nhờ có hành vi VHHT, con người điều tiết các mối quan hệ học tập hài hòa và tạo lập chất lượng học tập một cách bền vững.

Giáo dục hành vi VHHT cho sinh viên (SV) Trường Đại học Nội vụ (ĐHNV) Hà Nội là quá trình lâu dài, đòi hỏi phải kết hợp các biện pháp tác động vào nhận thức, tình cảm, kĩ năng (KN) thực hiện hành vi học tập của SV và tạo dựng môi trường VHHT trong nhà trường; gắn với giá trị và yêu cầu của nghề nghiệp. Đặc biệt cần quan tâm kích lệ vai trò chủ thể, phát huy tính tự giác, phát triển nhu cầu VH hành vi học tập cho SV trong quá trình giáo dục hành vi VHHT để thúc đẩy quá trình chuyên hóa yêu cầu bên ngoài thành nhu cầu tự thân. Chính vì vậy, việc giáo dục hành vi VHHT cho SV là rất quan trọng và cấp thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của xã hội (XH).

### 2. Nội dung nghiên cứu

#### 2.1. Một số khái niệm

##### 2.1.1. Văn hoá

VH là khái niệm có nội hàm rộng với nhiều cách hiểu khác nhau. Tùy theo lĩnh vực nghiên cứu, cách tiếp

cận, cách nhìn nhận và đánh giá mà các nhà khoa học đưa ra nhiều quan niệm khác nhau về VH. Theo **Đại từ điển Tiếng Việt**, “VH là những giá trị vật chất, tinh thần do con người tạo ra trong lịch sử” [1; tr 1796]. William Isaac Thomas coi VH là các giá trị vật chất và XH của bất kì nhóm người nào (các thiết chế, tập tục, cách cư xử) [2; tr 11]. Czinkota đưa ra định nghĩa “VH là một hệ thống những cách ứng xử đặc trưng cho các thành viên của bất kì một XH nào. Hệ thống này bao gồm mọi vấn đề, từ cách nghĩ, nói, làm, thói quen, ngôn ngữ, sản phẩm vật chất và những tình cảm - quan điểm chung của các thành viên đó” [3; tr 11]. UNESCO xem: “VH là tổng thể sống động các hoạt động sáng tạo (của các cá nhân và các cộng đồng) trong quá khứ và hiện tại. Qua các thế kỉ, hoạt động đó hình thành nên hệ thống các giá trị, các truyền thống và thị hiếu, những yếu tố xác định đặc tính riêng của dân tộc” [4; tr 21]. Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát sinh ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương tiện sử dụng. Toàn bộ sáng tạo và phát minh đó tức là VH” [5; tr 431].

Các quan niệm trên tuy có những ý kiến khác nhau nhưng tựu chung lại: (i) VH là một tập hợp có tính hệ thống các giá trị vật thể và phi vật thể do con người tạo lập và lưu truyền qua một quá trình lâu dài; (ii) quá trình hình thành và phát triển VH là quá trình hoạt động thực tiễn của con người; (iii) trong quá trình hoạt động thực tiễn để “sáng tạo và tích lũy” VH, con người có mối liên hệ mật thiết và tác động qua lại với hoàn cảnh, môi trường XH và môi trường tự nhiên.

### 2.1.2. Văn hóa học tập:

- Theo cách tiếp cận VH, VHHT của cộng đồng (hoặc cá nhân) là những đặc điểm nổi bật, ổn định thể hiện những nét đặc thù trong hoạt động học tập của cộng đồng (hay cá nhân) ấy. Quan niệm này nhấn mạnh tính ổn định, tính đặc thù của VH.

- Theo cách tiếp cận giá trị, VHHT là hệ thống các giá trị tốt đẹp được tích lũy, phát triển và biểu hiện trong hoạt động học tập, trở thành chuẩn mực chi phối cách thức suy nghĩ, tình cảm và hành động của người học. Cách tiếp cận này coi VHHT là tất cả những gì tốt đẹp mà cá nhân, tổ chức, cộng đồng thực hiện trong hoạt động chiếm lĩnh và phát triển hệ thống các kinh nghiệm XH - lịch sử. Đó vừa là sản phẩm hoạt động của con người, vừa phản ánh mong muốn của con người, vừa là chuẩn mực định hướng cho hoạt động của con người. Cách tiếp cận này nhấn mạnh tính giá trị, tính chuẩn mực của hoạt động người trong học tập.

- Dưới góc độ tiếp cận nhân cách, VHHT là tổ hợp được cấu trúc từ hai thành phần: phẩm chất và KN học tập của người học. Theo đó, VHHT của SV thể hiện ở các nét tính cách và KN học tập. Các nét tính cách như: học trung thực, học kiên trì; học chăm chỉ, tích cực học tập; tự chủ trong học tập, độc lập, sáng tạo trong học tập, dũng cảm đối mặt với thử thách và khó khăn trong học tập. Các KN như: nghiên cứu sách và tài liệu tham khảo, giao tiếp trong học tập, làm chủ bản thân trong học tập.

- Tiếp cận hệ thống nhìn nhận học tập, là quá trình con người chiếm lĩnh và biến đổi tri thức thì xem VHHT được tạo nên từ tổ hợp các thành phần VH bộ phận như: VH nền nếp học tập, VH hợp tác trong học tập, VH học hỏi, VH chất lượng, VH giao tiếp và VH ứng xử trong học tập.

### 2.1.3. Hành vi văn hóa học tập

Các nghiên cứu về hành vi VHHT hiện nay đưa ra những quan niệm về hành vi VHHT ở góc độ khác nhau: Hành vi VHHT là một phẩm chất nhân cách được hình thành và phát triển trong hoạt động học tập của con người [6; tr 95]; Hành vi VHHT là hành vi có phương thức biểu đạt mang tính thẩm mỹ cao, do những yếu tố tâm lý tích cực bên trong thúc đẩy, có tính phù hợp với mong đợi của cộng đồng, nhà trường [7; tr 583-595]; Hành vi VHHT là hành vi, cách ứng xử thể hiện giá trị tốt đẹp được XH thừa nhận, mang lại kết quả học tập cao, có tính chất bền vững [8; tr 102]. Các quan niệm trên đều có điểm thống nhất: Hành vi VHHT biểu hiện trình độ phát triển tâm lý, VH của con người trong quá trình tiếp thu, lĩnh hội tri thức. Đó là hành vi biểu thị nét đẹp trong nhân cách của người học được cộng đồng thừa nhận và coi

trọng, biểu thị những giá trị học tập tốt đẹp mà cộng đồng đã tích lũy, xây dựng và theo đuổi.

### 2.1.4. Giáo dục hành vi văn hóa học tập

Giáo dục hành vi VHHT là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của nhà giáo dục đến người học, thông qua việc tổ chức hợp lý các loại hình hoạt động học tập và rèn luyện cho người học, nhằm hình thành và phát triển ở người học nhận thức đúng đắn và tình cảm tích cực đối với hành vi VHHT, có nhu cầu và tính sẵn sàng học tập, có thói quen và KN thực hiện hành vi VHHT.

Đối với SV, thông qua chuẩn đầu ra với những yêu cầu cụ thể cần đạt được về kiến thức, KN nghề, thái độ, nhà trường đặt ra cho họ những yêu cầu xác định về tinh thần và phương pháp học tập, cách thức hành vi ứng xử học tập để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Hành vi VHHT cần được xem như là một phẩm chất nhân cách độc đáo, đặc trưng cần hình thành cho SV các trường đại học. Với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ, SV cần phát huy cao độ tính tự giác, tự chủ trong học tập: tự lập kế hoạch học tập, tự lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức học tập, tốc độ học tập.

Như vậy, SV không những phải chủ động, tích cực, tự giác mà còn cần phải hợp tác, sáng tạo trong học tập. Giáo dục hành vi VHHT trong điều kiện đào tạo theo học chế tín chỉ, giảng viên (GV) cần có tác động giáo dục, tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện, đặc điểm học tập của SV, đặc biệt tạo ra được môi trường học tập khuyến khích và phát triển hành vi VHHT. Giáo dục hành vi VHHT cho SV thực chất là giáo dục để SV học có VH, học có chất lượng, học có hiệu quả, có KN học tập, biết tự xây dựng cho mình phương pháp học tập mới.

## 2.2. Thực trạng giáo dục hành vi văn hóa học tập cho sinh viên Trường Đại học Nội vụ Hà Nội

Để có cơ sở đánh giá thực trạng giáo dục hành vi VHHT, năm 2017 chúng tôi đã tiến hành khảo sát thực tế tại Trường ĐHNV Hà Nội. Trong quá trình khảo sát, đã trưng cầu ý kiến của 150 SV (50 SV học năm 2; 50 SV học năm 3; 50 SV học năm 4) và 42 GV. Kết quả thu được như sau:

### 2.2.1. Thực trạng hành vi văn hóa học tập của sinh viên Trường Đại học Nội vụ Hà Nội

#### 2.2.1.1. Thực trạng nhận thức chung của sinh viên Trường Đại học Nội vụ Hà Nội về hành vi văn hóa học tập

Nhận thức đúng đắn của SV về hành vi VHHT là cơ sở quan trọng để xây dựng và tổ chức hoạt động giáo dục hành vi VHHT cho SV. Để có thông tin đánh giá nhận thức của SV về hành vi VHHT, chúng tôi tìm hiểu nhận thức của SV về KN hành vi VHHT, ý nghĩa hành vi VHHT và các loại hành vi VHHT trong nhà trường.

### 2.2.1.2. Nhận thức của sinh viên về khái niệm hành vi văn hóa học tập

Kết quả khảo sát cho thấy: 62,5% SV nhận thức đúng về khái niệm hành vi VHHT. SV cho rằng hành vi HVHT là hành vi tích cực được thúc đẩy bởi động cơ học tập đúng đắn do người học tự giác thực hiện phù hợp với các nội quy, quy chế chi phối cá nhân trong học tập, phù hợp với các giá trị VHHT mà nhà trường mong đợi. Bên cạnh đó vẫn còn 37,5% số SV nhận thức chưa đầy đủ về khái niệm hành vi VHHT.

### 2.2.1.3. Nhận thức của sinh viên về ý nghĩa giáo dục hành vi văn hóa học tập

Khảo sát 150 SV, kết quả cho thấy SV có sự đồng thuận khi đánh giá cao về ý nghĩa hành vi VHHT trong nhà trường. Cụ thể: tỉ lệ SV khẳng định hành vi VHHT có ý nghĩa: Giúp SV học tập có chất lượng và hiệu quả là 95,3%; Giúp SV hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập trong nhà trường là 91,9%; Góp phần xây dựng và phát triển VH nhà trường là 85,6%; Giúp SV rèn luyện và phát triển nhân cách cán bộ, công chức, viên chức trong tương lai là 76,6%; Giúp SV định hướng và phát triển các loại hành vi khác là 65,6%; Làm nảy sinh và phát triển hứng thú học tập cho SV 35,7%. Qua kết quả khảo sát cho thấy SV có nhận thức đúng đắn khi đánh giá cao ý nghĩa của việc thực hiện hành vi VHHT trong nhà trường.

### 2.2.1.4. Nhận thức của sinh viên về các loại hành vi văn hóa học tập cần thực hiện

Qua khảo sát cho thấy, SV đồng thuận cao khi xác định các hành vi VHHT cần thực hiện. Đó là, hành vi VH chia sẻ trong học tập (94,5%); Hành vi học tập có phương pháp và có chất lượng (65,9%); Hành vi hợp tác học tập (75,6%); Hành vi VH học hỏi (95,4%); Hành vi VH nền nếp (83,7%); Hành vi xây dựng môi trường học tập (73,8%).

Từ kết quả khảo sát, chúng tôi xác định: SV nhận thức tương đối tốt về bản chất, ý nghĩa hành vi VHHT cần thực hiện trong nhà trường.

### 2.2.2. Thực trạng về giáo dục hành vi văn hóa học tập cho sinh viên ở Trường Đại học Nội vụ Hà Nội

#### 2.2.2.1. Thực trạng nội dung giáo dục hành vi văn hóa học tập

Để tìm hiểu nội dung giáo dục hành vi VHHT cho SV trường ĐHNV Hà Nội, chúng tôi đã thiết kế các câu hỏi khảo sát theo thang đo Likert 4 mức độ từ 4 đến 1; 4 = rất thường xuyên, 3 = thường xuyên, 2 = đôi khi, 1 = chưa bao giờ. Kết quả khảo sát nội dung này cho thấy giảng viên (GV) và SV thống nhất cao trong quá trình đánh giá. Các nội dung được nhà trường *Rất thường xuyên* và *Thường xuyên* quan tâm tiến hành là: Kính

trọng, yêu mến thầy cô (92,0% GV và 91,8% SV); Nghiêm túc, kỉ luật trong học tập (80,2% GV và 89,2% SV); Thân thiện, hợp tác với bạn học (76,4% GV và 61,6% SV); Học trung thực và chất lượng (71,3% GV và 72,6% SV); Tích cực, chủ động trong học tập (78,4% GV và 78,6% SV).

Một số nội dung ít được quan tâm triển khai, tần suất thực hiện đôi khi và chưa bao giờ chiếm tỉ lệ cao, cụ thể như: Khoa học và sáng tạo trong học tập (71,5% GV và 81,4% SV); Kiên trì và có ý chí vươn lên trong học tập (57,3% GV và 62,7% SV); Dũng cảm đối mặt với khó khăn học tập (76,3% GV và 86,8% SV).

#### 2.2.2.2. Thực trạng các hoạt động giáo dục hành vi văn hóa học tập

Để tìm hiểu nội dung các hoạt động giáo dục HVVHHT cho SV trường ĐHNV Hà Nội, chúng tôi đã thiết kế các câu hỏi khảo sát theo thang đo Likert 3 mức độ từ 3 đến 1; 3 = thường xuyên, 2 = thỉnh thoảng, 1 = chưa bao giờ.

Phương thức các hoạt động giáo dục hành vi VHHT cho SV ở trường ĐHNV Hà Nội rất đa dạng. Tìm hiểu thực trạng về tần suất sử dụng các hoạt động giáo dục hành vi VHHT cho SV kết quả thu được cho thấy sự đánh giá của GV và SV về thực trạng các hoạt động giáo dục hành vi VHHT có sự tương đồng. Trong đó, cách thức được sử dụng thường xuyên nhất là: Tổ chức dạy học theo hướng chú trọng phát triển VHHT (80,9% GV và 76,0% SV); Tổ chức nghiên cứu khoa học (57,1% GV và 40,6% SV); Biểu dương, vinh danh cá nhân, tập thể SV học tập tích cực (64,2% GV và 75,3% SV); GV tư vấn, chia sẻ kinh nghiệm học tập cho SV (73,9% GV và 60,6% SV). Lí giải cho việc các hoạt động giáo dục trên được sử dụng ở mức độ thường xuyên vì đây là các hoạt động cơ bản trong quá trình dạy - học. Chú trọng các hoạt động này sẽ nâng cao chất lượng đào tạo trong trường.

Một số phương thức hoạt động giáo dục hành vi VHHT cho SV được sử dụng ở mức độ chưa bao giờ là: Nói chuyện chuyên đề về VHHT (81,0% GV và 77,4% SV); Tổ chức các câu lạc bộ học tập (71,5% GV và 65,4% SV); Mở lớp hướng dẫn, bồi dưỡng KN hành vi VHHT cho SV (83,4% GV và 78,7% SV); Tổ chức đánh giá và xếp loại hành vi học tập của SV (90,5% GV và 91,4% SV). Theo các GV và SV, đây là những hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp vì vậy các phương thức này ít được quan tâm sử dụng. Hiện nay, nhà trường đang đào tạo theo hệ thống tín chỉ nên việc sắp xếp thời gian để tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cũng gặp nhiều khó khăn, hơn nữa thiếu đội ngũ chuyên gia để tổ chức tập huấn các nội dung này cho SV.

### 2.2.2.3. Thực trạng về giáo dục hành vi văn hóa học tập cho sinh viên thông qua tổ chức hoạt động dạy học

Để tìm hiểu cách thức giáo dục hành vi VHHT cho SV thông qua tổ chức hoạt động dạy học, chúng tôi đã thiết kế các câu hỏi khảo sát theo thang đo Likert 3 mức độ từ 3-1; 3 = thường xuyên, 2 = thỉnh thoảng, 1 = chưa bao giờ.

Kết quả cho thấy, cách thức triển khai giáo dục hành vi VHHT trong dạy học của GV khá đa dạng. Trong đó, cách thức “Thực hiện hành vi VHHT là một trong những tiêu chí để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV” được GV sử dụng phổ biến nhất là 76,1%. Các cách thức khác được triển khai với tính phổ biến thấp hơn, tỉ lệ ý kiến đánh giá ở mức độ thỉnh thoảng sử dụng cao. Cụ thể: “Sử dụng phương pháp dạy học nhằm tích cực hóa hành vi VHHT của SV” là 73,9%; “Kết hợp tuyên truyền, vận động SV thực hiện hành vi VHHT” là 64,4%. Theo các GV chủ yếu là giáo dục ý thức học tập cho SV. “Tích hợp nội dung giáo dục hành vi VHHT vào nội dung môn học” là cách thức ít được sử dụng nhất (83,4% ý kiến của GV cho biết chưa bao giờ sử dụng cách thức này). Việc tích hợp nội dung giáo dục hành vi VHHT vào nội dung môn học ít được thực hiện bởi không phải môn học nào cũng có thể tích hợp được, nó tùy thuộc vào nội dung và thể mạnh của từng môn học. Như vậy, công tác giáo dục hành vi VHHT của nhà trường sẽ được cải thiện đáng kể nếu GV biết phát huy những kinh nghiệm vốn có và khả năng tự giáo dục của SV. Bên cạnh đó, giáo dục hành vi VHHT cần được gắn chặt hơn nữa với hoạt động dạy học, hoạt động thực tập cho SV. Kết hợp truyền thông giáo dục với thiết kế trải nghiệm học tập, tổ chức cho SV luyện tập thường xuyên hành vi VHHT là rất cần thiết.

### 2.2.2.4. Thực trạng về hiệu quả giáo dục hành vi văn hóa học tập

Để tìm hiểu về hiệu quả giáo dục hành vi VHHT cho SV, chúng tôi đã thiết kế các câu hỏi khảo sát theo thang đo Likert 3 mức độ từ 3-1; 3 = cao, 2 = thấp, 1 = không có. Kết quả khảo sát nội dung này được thể hiện:

- GV và SV đánh giá cao hiệu quả của công tác giáo dục hành vi VHHT ở các khía cạnh: Nâng cao nhận thức cho SV về hành vi VHHT (64,2% GV và 51,3% SV); Nâng cao ý thức giữ gìn và xây dựng môi trường VHHT trong nhà trường (62,0% GV và 60,6% SV); Tăng cường trách nhiệm cá nhân SV trong hoạt động học tập (64,2% GV và 58,6% SV); Phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ học tập được bảo vệ và giữ gìn tốt hơn (69,0% GV và 58,6% SV); Nâng cao nhu cầu VH hành vi học tập và trình độ đánh giá hành vi học tập cho SV (59,5% GV và 59,4% SV).

- GV và SV đánh giá công tác giáo dục hành vi VHHT có hiệu quả thấp ở một số nội dung: Bồi dưỡng, hứng thú đam mê học tập cho SV (61,9% GV và 51,3% SV); Bồi dưỡng cho SV KN, thói quen thực hiện hành vi VHHT (64,2% GV và 74,1% SV); Cải thiện chất lượng học tập của SV theo hướng phát triển bền vững (66,6% GV và 67,3% SV); Hình thành phong cách học tập thân thiện - khoa học - chất lượng cho số đông SV trong trường (54,9% GV và 58,6% SV); SV gần gũi thân thiện, yêu mến GV (57,1% GV và 63,3% SV); SV tăng cường tình đoàn kết, thân ái, giúp đỡ nhau trong học tập (54,7% GV và 62,6% SV).

### 2.3. Một số biện pháp giáo dục hành vi văn hóa học tập cho sinh viên Trường Đại học Nội vụ Hà Nội

#### 2.3.1. Nâng cao nhận thức về giáo dục hành vi văn hóa học tập cho sinh viên:

- Để nâng cao nhận thức về giáo dục hành vi VHHT cho SV, nhà trường cần xây dựng kế hoạch truyền thông về hành vi VHHT. Ban Giám hiệu chỉ đạo phòng Quản lý SV, phòng Quản lý đào tạo, các khoa, Đoàn Thanh niên kết hợp xây dựng kế hoạch truyền thông nhằm nâng cao nhận thức cho SV về giáo dục hành vi VHHT. Trong kế hoạch cần xác định rõ mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức, phạm vi và thời gian tổ chức truyền thông để các lực lượng giáo dục có liên quan chủ động thực hiện.

- Xây dựng lực lượng trong trường, trong khoa có năng lực tổ chức và triển khai các hoạt động truyền thông. Đây là khâu quan trọng, quyết định đến kết quả của hoạt động truyền thông. Do vậy, cần có kế hoạch xây dựng và bồi dưỡng lực lượng thực hiện truyền thông về nhận thức và KN truyền thông, KN phối hợp với các lực lượng tham gia truyền thông.

- Do đặc thù của truyền thông nhằm giáo dục hành vi VHHT cho SV nên việc triển khai cần kết hợp các loại hình truyền thông cá nhân, truyền thông nhóm, truyền thông đại chúng như: truyền thông sự kiện, tư vấn, tổ chức các buổi gặp gỡ, giao lưu, đối thoại, tập huấn, nói chuyện chuyên đề về hành vi VHHT, hội thảo, nghe thuyết trình, diễn đàn học tập, các chuyên mục về giáo dục hành vi VHHT trên báo, trên trang web của trường, của khoa... để nâng cao nhận thức về giáo dục hành vi VHHT cho SV.

#### 2.3.2. Sử dụng phương pháp kỉ luật tích cực trong tổ chức dạy học các môn khoa học ở nhà trường:

- Kỉ luật tích cực là phương pháp GV có thái độ, hành vi ứng xử thân thiện, chia sẻ đối với SV ngay cả khi SV mắc lỗi nhằm huy động SV tham gia một cách tự giác, tích cực vào cuộc sống trải nghiệm, quá trình hoạt động

và giao lưu để hình thành hành vi hay thay đổi, điều chỉnh hành vi lệch chuẩn. Tích hợp giáo dục kĩ luật tích cực trong dạy học các môn khoa học nhằm giúp SV phát triển ý thức kĩ luật một cách tự giác trong quá trình học tập, phát huy vai trò tự giáo dục của SV, giúp SV biết tự lựa chọn giá trị học tập, tự mình thực hiện và điều chỉnh hành vi học tập theo định hướng đó. GV căn cứ vào đặc điểm, nội dung, yêu cầu môn học; đặc điểm SV và yêu cầu hành vi học tập của SV đối với môn học để lập kế hoạch áp dụng. Trong kế hoạch cần cụ thể hóa mục tiêu, nội dung, cách thức áp dụng phương pháp kĩ luật tích cực trong dạy học môn học. Phổ biến cho SV nhiệm vụ học tập của cá nhân SV; yêu cầu của GV, nội quy; yêu cầu của nhóm học tập.

- Trong ứng xử sư phạm, GV phát huy tối đa kĩ thuật và hành vi ứng xử có ảnh hưởng tích cực đến SV khi khen ngợi, nhận xét SV và kết quả học tập của SV; tiếp nhận hành vi của SV; lắng nghe, nêu yêu cầu hay giao nhiệm vụ cho SV; quản lí, giám sát quá trình học tập của SV. Ví dụ: Hành vi khen ngợi người học, khi SV giải quyết tốt nhiệm vụ học tập; phát hiện một vấn đề gì mới có tính chất đột phá, logic trong học tập; SV đạt kết quả cao trong quá trình kiểm tra, đánh giá hay SV tổ chức tốt một sự kiện... GV cần có những biện pháp khen ngợi kịp thời để phát huy tính tích cực, chủ động của SV trong quá trình học tập. Nhưng khi SV mắc lỗi hay có hành vi lệch chuẩn. GV tránh và hạn chế tối đa những hành vi có ảnh hưởng tiêu cực như: cường chế SV; hành vi chê bai, chỉ trích, mạt sát SV...

- Trong thiết kế và tổ chức bài giảng, GV tăng cường sử dụng phương pháp dạy học tích cực như dạy học nêu vấn đề, dạy học thảo luận nhóm, dạy học tình huống,... nhằm phát huy điểm mạnh, tính tích cực học tập của SV, phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu; khắc phục những điểm hạn chế của SV; giúp SV hiểu ý thức, trách nhiệm và vai trò của cá nhân đối với hoạt động học tập, tự giác học hỏi cũng như đáp ứng các yêu cầu của nhiệm vụ học tập trong nhà trường.

- Sử dụng các kĩ thuật dạy học, nhằm tạo môi trường, hứng thú cho SV, giúp SV có KN làm việc nhóm, làm việc cá nhân, biết chia sẻ, biết hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Qua đó, phát triển các hành vi VHHT như: chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, hợp tác cùng học tập. Sử dụng các kĩ thuật dạy học để tích cực hóa hoạt động học tập của SV sẽ ngăn chặn và làm vô hiệu hóa những hành vi thiếu tích cực trong học tập của SV. Các kĩ thuật dạy học có thể sử dụng: dùng lược đồ tư duy, nhóm lắp ghép, khăn trải bàn, công não,...

*2.3.3. Tổ chức luyện tập hành vi văn hóa học tập cho sinh viên trong các hoạt động dạy học, giáo dục:*

- Luyện tập hành vi thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế học tập của nhà trường đề ra: Thực hiện tốt về giờ giấc học tập (đi học đầy đủ, đúng giờ; không bỏ giờ, bỏ tiết); trong lớp chú ý nghe giảng, hăng hái phát biểu xây dựng bài; tôn trọng thầy cô, đoàn kết với bạn học; thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ học tập GV đề ra; giữ gìn vệ sinh và bảo quản trang thiết bị trong nhà trường; nghiêm túc trong kiểm tra, thi cử,... Thực hiện tốt những quy định của học chế tín chỉ như: Lập kế hoạch học tập, lựa chọn và đăng kí môn học đúng thời hạn, phù hợp với lực học và những điều kiện cá nhân,...

- Luyện tập hành vi thực hiện nhiệm vụ nhận thức nội dung học tập: ngoài những giáo trình, bài giảng trên lớp, trong quá trình dạy học GV thường xuyên giao bài tập yêu cầu SV phải tích cực tìm kiếm để mở rộng thông tin học tập; tích cực khai thác, lưu trữ thông tin học tập; độc lập nghiên cứu tài liệu học tập; phân tích, đánh giá, chọn lọc thông tin; áp dụng, phát triển thông tin học tập thông qua các hình thức thực hành, giải quyết các bài tập nhận thức,...

- Luyện tập hành vi VH giao tiếp với GV, với bạn học trong quá trình học tập:

Giáo dục SV thực hiện hành vi VH trong giao tiếp đối với GV. SV cởi mở, sẵn sàng chia sẻ với GV những băn khoăn, thắc mắc, suy nghĩ của bản thân về các vấn đề học tập. Biết lắng nghe và mạnh dạn góp ý mang tính xây dựng để GV có thêm kênh thông tin hoàn thiện bản thân. Luôn có thái độ, lời nói, cử chỉ biểu thị sự kính trọng và lễ phép, khiêm tốn học hỏi và cầu thị. Trong giờ lên lớp, SV biểu thị thái độ, tư thế tác phong nghiêm túc, đúng mực như: tư thế ngồi nghiêm túc, lắng nghe GV giảng bài, tích cực phát biểu ý kiến xây dựng bài, tích cực tham gia các hoạt động học tập do GV khởi xướng, hoàn thành có trách nhiệm các nhiệm vụ học tập mà GV giao cho.

Giáo dục SV thực hiện hành vi VH trong tương tác với các bạn học và với chính bản thân mình. SV luôn chủ động và sẵn sàng chia sẻ, cởi mở với bạn bè về những vấn đề liên quan đến học tập (cảm xúc, suy nghĩ, các điều kiện học tập). Khi bạn bè gặp khó khăn, vướng mắc trong học tập, SV cần chủ động, tự nguyện giúp bạn học với động cơ trong sáng; kiên trì, cố gắng tìm mọi phương thức giúp bạn học đạt kết quả cao nhất. Khi bản thân gặp những khó khăn, vướng mắc trong học tập, SV cần chủ động tìm kiếm những người có thể giúp mình vượt qua những khó khăn, vướng mắc trong học tập mà mình đang gặp phải; cởi mở, nói rõ những khó khăn, nguyện vọng cần sự giúp đỡ; sử dụng lời nói, biểu thị thái độ, hành vi đúng mực, vừa thể hiện sự tôn trọng người giúp mình vừa thể hiện niềm cảm kích, biết ơn người đã giúp mình; lắng nghe và cầu thị; biểu hiện sự tự chủ, không quá lệ

thuộc; tự tin và nỗ lực hơn nữa để không làm người giúp mình phải thất vọng.

#### 2.3.4. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động trải nghiệm trong học tập

Một số nội dung các trải nghiệm về hành vi VHHT cần hình thành ở SV như:

- Tổ chức cho SV trải nghiệm hành vi VHHT gắn liền với thực hiện nhiệm vụ học tập trong từng môn học. Hình thức này cần phát huy vai trò của GV phụ trách học phần. GV phụ trách học phần cần nghiêm khắc yêu cầu và sát sao trong việc thực hiện nội quy học tập của SV trong từng giờ lên lớp. Trong quá trình triển khai nội dung môn học, GV cần tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, phát huy cao độ sự tham gia của SV trong quá trình học như: tổ chức cho SV thảo luận nhóm, thực hành theo nhóm nhằm phát triển ở SV hành vi văn hoá hợp tác, chia sẻ trong học tập. Sau khi SV tham gia giải quyết nhiệm vụ học tập bằng hình thức làm việc nhóm, GV tổ chức cho SV chỉ ra được các yêu cầu về hành vi học tập để duy trì học hợp tác với các bạn trong nhóm, các tình huống nảy sinh trong quá trình làm việc nhóm cần ứng xử như thế nào để đạt mục đích tốt trong quá trình học tập.

- Tổ chức và triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học: SV làm đề tài khoa học, làm bài tập nghiên cứu, các chuyên đề nghiên cứu trong SV, viết bài báo khoa học,... Hình thức này có ưu thế nhằm phát triển hành vi tự học, tự nghiên cứu cho SV. Sau khi tham gia làm đề tài nghiên cứu khoa học, SV có thể chia sẻ về những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện, phương pháp nghiên cứu như: phân tích, tổng hợp, đối chiếu, so sánh... từ đó SV rút ra những bài học kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học giúp các em thành công hơn trong những nghiên cứu lần sau.

- Tổ chức các hội thảo khoa học, hội thi olympic khoa học của SV gắn với kiến thức chuyên ngành, gắn với nhu cầu học tập hoặc những vấn đề đang thu hút sự tham gia đông đảo của SV trong trường. Hình thức này cần thiết nhằm phát triển cho SV hành vi học tập có phương pháp khoa học, kết hợp tự nghiên cứu với hợp tác, học hỏi từ môi trường xung quanh.

#### 2.3.5. Kiểm tra, đánh giá và nhân rộng điển hình hành vi văn hóa học tập trong sinh viên:

- Nhà trường cần có những biện pháp kiểm tra SV thực hiện nội quy, quy chế học tập; thực hiện nhiệm vụ học tập trong từng học phần; thực hiện các chuẩn mực hành vi giao tiếp, ứng xử học tập; Trên cơ sở đó, nhà trường đưa ra những nhận định về mức độ thực hiện hành vi VHHT của SV theo hệ giá trị VHHT mà nhà trường

theo đuổi. Những nhận định này thể hiện sự đồng tình hay không đồng tình, ủng hộ hay phản đối, khen ngợi hay phê bình, của tập thể sư phạm đối với hành vi học tập của SV trong trường.

- Trên cơ sở kết quả hoạt động kiểm tra, đánh giá, tập thể sư phạm khẳng định những hành vi VHHT điển hình như: các tập thể, cá nhân đạt thành tích cao trong học tập, nghiên cứu khoa học; tổ chức tốt các sự kiện khi nhà trường hoặc các đoàn thể phát động... Các kết quả này cần được nhân rộng giúp SV khác thấy được ý nghĩa thực tiễn và mẫu hành vi chân thực trong các tình huống học tập cụ thể, nhằm lôi cuốn và tạo dư luận đồng tình, ủng hộ làm theo hành vi điển hình.

- Lãnh đạo nhà trường chỉ đạo các khoa phối hợp với các phòng chức năng, tổ chức Đoàn Thanh niên xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá và nhân rộng điển hình hành vi học tập của SV theo chuẩn mực hành vi VH trong nhà trường. Kế hoạch này xác định rõ mục tiêu, nội dung, hình thức, thời gian, lực lượng tham gia kiểm tra, đánh giá và nhân rộng điển hình hành vi VHHT trong nhà trường. Đặc biệt có sự thống nhất về tiêu chí đánh giá và điển hình hành vi VHHT cần nhân rộng.

#### 2.3.6. Xây dựng môi trường học tập thân thiện, tích cực trong nhà trường

Môi trường học tập ảnh hưởng, tác động đến tâm lí, cảm xúc học tập, hành vi học tập của người học. Xây dựng môi trường học tập thân thiện, nghiêm túc, tích cực trong trường đại học là biện pháp nhằm tạo môi trường với những điều kiện thuận lợi để góp phần làm nảy sinh nhu cầu, nuôi dưỡng và duy trì hành vi VHHT cho SV.

Trong quá trình dạy học luôn diễn ra sự tương tác không chỉ giữa GV - SV mà còn giữa SV - SV. Để xây dựng được một bầu không khí học tập thân thiện, tích cực, một môi trường giáo dục lành mạnh cần chú ý đến các yếu tố như:

- Không gian lớp học (đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh, cách bố trí, sắp xếp bàn ghế, chỗ ngồi thuận tiện, hợp lí; đầy đủ các phương tiện, đồ dùng dạy học...).

- Các nhiệm vụ cần được thiết kế một cách hợp lí tạo ra những thách thức để SV khám phá, chia sẻ, phản hồi và hỗ trợ lẫn nhau.

- Đa dạng hóa các hoạt động trong giờ dạy nhằm tạo nhiều cơ hội cho SV được hợp tác với nhau.

- Tạo dựng và khơi dậy phong trào học tập sôi nổi.

- Thái độ của GV: lắng nghe, thấu cảm quan điểm của SV, cởi mở, tôn trọng ý tưởng, câu trả lời của SV kể cả khi SV đưa ra câu trả lời chưa chính xác. Nhận xét cần mang tính khích lệ, động viên và đặt sự kì vọng đối với

SV. SV có thể trả lời chưa chính xác hoặc đưa ra những câu trả lời không như mình mong đợi song GV trong dạy học tích cực không nên quá đặt nặng vấn đề đúng - sai mà nên khơi gợi, động viên, khích lệ SV bằng những kỹ thuật gợi mở như: *Em nên suy nghĩ thêm chút nữa, ngoài những ý em trình bày, còn ý tưởng nào nữa không?* Những câu hỏi mang tính chất bước đệm ấy có tác dụng khai thác vốn hiểu biết của SV và SV cảm thấy ý kiến mình thực sự quan trọng đối với bài học, quan trọng đối với mọi người. Do đó, nếu GV có nghệ thuật đặt câu hỏi thì sẽ nuôi dưỡng những ý tưởng ở SV và nắm bắt được “*vùng phát triển gần nhất*” ở mỗi em để tiếp tục gợi mở nhằm đạt đến các giới hạn cao nhất trong dạy học. Kiên trì chờ đợi và nhận ra sự tiến bộ của SV. Sử dụng tính hài hước đúng lúc đúng chỗ để tiết học sinh động hơn, tạo không khí vui vẻ, giảm bớt căng thẳng vốn có của các giờ học và kích thích tính hợp tác tích cực hơn. Đặc biệt phải có kỹ năng giao tiếp tốt, biết đặt mình vào vị trí SV, gần gũi để các em mạnh dạn bày tỏ quan điểm, chia sẻ những ý tưởng.

- Thái độ và tinh thần học tập của SV: Cần dung hòa mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể để tìm tiếng nói chung, có tinh thần hăng hái thi đua xây dựng và phát triển tập thể lớp, mỗi SV phải biết tự giác sẵn sàng nhận nhiệm vụ, thực hiện có trách nhiệm cao đối với các nhiệm vụ học tập của mình và của nhóm/lớp. Làm việc cùng nhau sẽ giúp nỗ lực của từng cá nhân hoàn thiện hơn. Huy động tối đa vốn sống của bản thân và luôn có ý thức tự rèn luyện cho mình những KN xã hội cần thiết như: KN hợp tác, KN chia sẻ thông tin, KN chấp nhận, KN giải quyết bất đồng...

### 3. Kết luận

Hành vi VHHT là cách ứng xử có ý thức được thúc đẩy bởi động cơ học tập đúng đắn, thể hiện những giá trị tốt đẹp của con người trong quá trình lĩnh hội tri thức; vừa phù hợp với chuẩn mực chỉ phối cá nhân trong học tập, vừa là mẫu mực có tác dụng giáo dục, thuyết phục người khác thực hiện theo. Hành vi VHHT có ý nghĩa quan trọng giúp người học nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động học tập theo hướng bền vững, đồng thời định hướng cho con người thực hiện và phát triển các loại hành vi khác trong cuộc sống. Vì vậy, giáo dục hành vi VHHT là nhiệm vụ rất quan trọng của các trường đại học nói chung và trường ĐHNH Hà Nội nói riêng trong việc xây dựng nhân cách VH, môi trường VH, góp phần thực hiện tốt mục tiêu đào tạo của nhà trường.

### Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Như Ý (chủ biên, 1999). *Đại từ điển Tiếng Việt*. NXB Văn hóa - Thông tin.

- [2] Phạm Duy Đức (chủ biên, 2008). *Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [3] Nguyễn Hoàng Ánh (2004). *Vai trò của văn hoá kinh doanh quốc tế và vấn đề xây dựng văn hoá kinh doanh ở Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- [4] Phan Hồng Giang - Bùi Hoài Sơn (2014). *Quản lý văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [5] *Hồ Chí Minh toàn tập (2000)*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [6] Raymer (2006). *Principal Leadership and School Culture in Public School: Cases Studies of Two Piedmont North Carolina Elementary Schools*. The University of North Carolina at Greensboro.
- [7] De Witten K, Van Muijen J (1999). *Organizational Culture: Critical Questions for Researchers and Practitioners*, *European Journal of Work and Organizational Psychology*, 8(4), pp. 583-595.
- [8] Stolp, Stephen and Smith, Stuart C (1995). *Transforming School Culture - Symbols, Values and Leader's Role*. Clearning House of Educational Management, University of Oregon.

### VĂN BẢN ĐA PHƯƠNG THỨC...

(Tiếp theo trang 35)

### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2006). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*. NXB Giáo dục.
- [2] Bộ GD-ĐT (2015). *Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 6, 7, 8, 9*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Bộ GD-ĐT (2013). *Sách giáo viên Ngữ văn lớp 6, 7, 8, 9*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Bộ GD-ĐT (2015). *Sách bài tập Ngữ văn lớp 6, 7, 8, 9*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Trần Thị Ngọc (2017). *Nhu cầu hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng văn bản đa phương thức*. Tạp chí Dạy và Học ngày nay, số tháng 12/2017, tr 15-18.
- [6] Đỗ Ngọc Thống (2017). *Định hướng đổi mới chương trình môn Ngữ văn*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 143, tháng 8, tr 23-27.
- [7] Frank Serafini (2012). *Reading multimodal texts in the 21<sup>st</sup> century*. Mid-South Educationa Research Asociation, Vol. 19, No. 1.